KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN: VẬT LÝ KIẾN TRÚC(QH1501.1)

Lần thi: 1 Học kỳ:2 Năm học: 2016-2017

Phòng thi: H-H 10. 05 Ngày thi: 29/03/2017

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
1	1451030001	Đồng Vũ An	2014X1	8	8	8	B	
2	1552010031	Lê Thị Vân Anh	2015KTCQ	8	0	1.6	F	
3	1552010041	Lê Tuấn Anh	2015KTCQ	9	8	8.2	B	
4	1552010003	Nguyễn Việt Anh	2015KTCQ	9	8	8.2	B	
5	1552010046	Nguyễn Thái Bảo	2015KTCQ	8	0	1.6	F	
6	1451032005	Bàng Văn Bông	2014X5	8	9	8.8	A	
7	1552010013	Lương Quang Cảnh	2015KTCQ	10	8	8.4	B	
8	1451030027	Hoàng Việt Cương	2014X1	8	9	8.8	A	
9	1451030053	Vũ Đức Doanh	2014X3	9	9	9	A	
10	1552010032	Đặng Sơn Đông	2015KTCQ	8	4	4.8	D	
11	1552010010	Nguyễn Ngọc Đông	2015KTCQ	9	9	9	A	
12	1451030076	Nguyễn Văn Đông	2014X7	9	4	5	D	
13	1451030091	Phạm Việt Đức	2014X5	8	5	5.6	C	
14	1451030095	Vũ Quang Đức	2014X1	8	9	8.8	A	
15	1552010026	Bùi Chí Dũng	2015KTCQ	9	8.5	8.6	A	
16	1552010045	Trịnh Sơn Dương	2015KTCQ	8	7	7.2	B	
17	1552010039	Trần Thị Thu Giang	2015KTCQ	10	9	9.2	A	
18	1552010006	Vũ Ngọc Hà	2015KTCQ	10	8.5	8.8	A	
19	1552010029	Đỗ Văn Hiếu	2015KTCQ	10	9	9.2	A	
20	1552010001	Nguyễn Trọng Hiếu	2015KTCQ	9	3	4.2	D	
21	1552010034	Quách Huy Hoàng	2015KTCQ	10	8.5	8.8	A	
22	1451030371	Phạm Duy Hùng	2014X4	8	9	8.8	A	
23	1552010005	Đỗ Tiến Hưng	2015KTCQ	9	9	9	A	
24	1552010022	Nguyễn Hữu Huyên	2015KTCQ	8	9	8.8	A	
25	1552010015	Hoàng Tùng Lâm	2015KTCQ	10	8.5	8.8	A	
26	1552010047	Bùi Thị Linh	2015KTCQ	10	8	8.4	B	
27	1552010018	Dương Thùy Linh	2015KTCQ	8	10	9.6	A	
28	1552010030	Lê Thị Khánh Linh	2015KTCQ	10	8	8.4	B	
29	1552010037	Trương Ngọc Linh	2015KTCQ	9	7	7.4	B	
30	1552010036	Vũ Thị Khánh Linh	2015KTCQ	7	7	7	B	
31	1451030210	Lê Đức Mạnh	2014X3	7	5	5.4	D	
32	1552010002	Nguyễn Bá Mạnh	2015KTCQ	10	7.5	8	B	
33	1451030207	Trần Thành Minh	2014X8	7	8.5	8.2	B	
34	1552010023	Trần Phương Nam	2015KTCQ	10	8	8.4	B	
35	1552010049	Nguyễn Thị Thúy Ngân	2015KTCQ	10	5	6	C	
36	1552010033	Nguyễn Thị Ngọc	2015KTCQ	10	10	10	A	
37	1552010017	Phạm Hải Ngọc	2015KTCQ	10	9	9.2	A	
38	1552010008	Đặng Thị Kiều Oanh	2015KTCQ	9	6	6.6	C	
39	1552010028	Nguyễn Thu Oanh	2015KTCQ	8	9	8.8	A	
40	1552010044	Lã Bá Xuân Quang	2015KTCQ	10	10	10	A	
41	1552010020	Lê Văn Sang	2015KTCQ	9	7	7.4	B	
42	1451030501	DUCH SOMPHOS	2014X2	10	4.5	5.6	C	
43	1552010027	Đỗ Khắc Hoài Sơn	2015KTCQ	9	8	8.2	B	
44	1552010042	Đinh Thị Minh Tâm	2015KTCQ	10	9	9.2	A	
45	1552010019	Chu Minh Thắng	2015KTCQ	7	8	7.8	B	
46	1552010012	Nguyễn Như Thắng	2015KTCQ	10	9	9.2	A	
47	1451030276	Trần Vũ Hương Thảo	2014X1	6	8	7.6	B	
48	1451030269	Đặng Thị Thơm	2014X2	7	8	7.8	B	
49	1552010040	Nguyễn Văn Thủy	2015KTCQ	9	8	8.2	B	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
50	1552010014	Nguyễn Văn Tiến	2015KTCQ	9	9	9	A	
51	1552010043	Nguyễn Thị Thu Trà	2015KTCQ	10	9	9.2	A	
52	1552010007	Hoàng Thị Trang	2015KTCQ	10	9	9.2	A	
53	1552010021	Vũ Hữu Triệu	2015KTCQ	10	9	9.2	A	
54	1451030322	Trần Xuân Trung	2014X6	10	9	9.2	A	
55	1552010035	Trương Quốc Trung	2015KTCQ	10	8	8.4	B	
56	1552010004	Nguyễn Tuấn Vũ	2015KTCQ	10	9	9.2	A	

- Tổng số điểm A: 27
- Tổng số điểm B: 19
- Tổng số điểm C: 4
- Tổng số điểm D: 4
- Tổng số điểm F: 2
- Tổng số điểm X: 0
- Tổng số điểm I: 0

13 tháng 4 năm 2017

TRƯỞNG PHÒNG TT - KT & ĐBCL